

Số: 2656/GPMT-BQL

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và giải trình, chỉnh sửa bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng" tại Công văn số 149/CV-TCIEV ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Công ty TNHH TCIE Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Uơm tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH TCIE Việt Nam địa chỉ tại lô U8, U9, U10, U11 đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu và lô X5, X6, X7, X8 Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô U8, U9, U10, U11 đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu và lô X5, X6, X7, X8 Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 7636457528 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 25 tháng 5 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0401321459 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 05 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0401321459

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thiết kế, sản xuất, lắp ráp các loại phương tiện giao thông; Lắp ráp bộ phận, phụ kiện, phụ tùng ô tô các loại; Xây dựng sẵn nhà xưởng cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ ô tô và các nhà sản xuất ô tô thuê; Cung cấp các phần mềm hệ thống quản lý đại lý được thiết kế riêng cho các hoạt động sau bán hàng của các nhà đại lý; Nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 282.404,5m², trong đó diện tích lô U8, U9, U10, U11 là: 129.500 m²; Lô X5, X6, X7, X8: 152.904,5 m²

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Thiết kế, sản xuất, lắp ráp các loại phương tiện giao thông với tổng công suất 34.000 xe/năm, cụ thể:

++ Thiết kế, sản xuất, lắp ráp xe chở khách các loại, bao gồm: xe chở khách từ 10 đến 24 chỗ ngồi, xe chở khách từ 25 đến 51 chỗ ngồi để bán (kinh doanh, tiêu thụ) tại thị trường Việt Nam: 12.000 xe/năm.

++ Thiết kế, sản xuất, lắp ráp xe tải (kể cả xe tải tự đổ), xe bán tải và xe tải chuyên chở người và hành lý (xe van) các loại để bán (kinh doanh, tiêu thụ) tại thị trường Việt Nam: 7.200 xe/năm.

++ Thiết kế, sản xuất, lắp ráp xe ô tô du lịch các loại, bao gồm: xe ô tô con đến 5 chỗ ngồi, xe đa dụng (đến 9 chỗ ngồi), xe việt dã thể thao (đến 9 chỗ ngồi) để bán (kinh doanh, tiêu thụ) tại thị trường Việt Nam: 10.000 xe/năm.

++ Sản xuất xe Nissan SUV (5-7 chỗ): 4.800 xe/năm.

- + Lắp ráp bộ phận, phụ kiện, phụ tùng ô tô các loại: 150.000 đơn vị/năm.
- + Xây dựng sẵn nhà xưởng cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ ô tô và các nhà sản xuất ô tô thuê với diện tích 53.019m².
- + Cung cấp các phần mềm hệ thống quản lý đại lý được thiết kế riêng cho các hoạt động sau bán hàng của các nhà đại lý: 03 phần mềm/năm.
- + Nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực ô tô: 5 công trình/năm
- Quy trình công nghệ sản xuất: Linh kiện thân, vỏ → Hàn thân xe → Mài thân xe → Kiểm tra → Xử lý bề mặt và sơn ED → Sấy khô bề mặt → Sơn → Sấy khô sơn → Lắp ráp → Dây chuyền kiểm tra → Dây chuyền kiểm tra cuối cùng.

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường không bao gồm các hoạt động bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp hỗ trợ ô tô và các nhà sản xuất ô tô thuê lại nhà xưởng xây sẵn của cơ sở (diện tích 53.019m²) với công nghệ hàn thân xe, lắp ráp linh kiện nội thất, thiết bị và phụ tùng hoàn thiện (không bao gồm các công đoạn mạ, phun phủ, xử lý bề mặt, đánh bóng) theo Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng” địa điểm lô U8-U11, đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu và lô X5-X8, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng”.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH TCIE Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TCIE Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, UBND huyện Hòa Vang, UBND phường Hòa Khánh Bắc, UBND xã Hòa Liên và các cơ quan chức năng liên quan khác nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm

(Từ ngày ~~21~~ tháng ~~11~~ năm 2023 đến ngày ~~21~~ tháng ~~11~~ năm 2033)

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 76/XNMT-BQL ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường, Khoa học công nghệ và Ươm tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/cáo);
- Sở TN&MT;
- UBND quận Liên Chiểu;
- UBND huyện Hòa Vang;
- UBND phường Hòa Khánh Bắc;
- UBND xã Hòa Liên;
- Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý;
- Công ty TNHH TCIE Việt Nam;
- SDN;
- Trưởng ban Ban Quản lý (b/cáo);
- Lưu: VT, QLMT, KHCN&UT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Thái Ngọc Trung

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2658~~/GPMT-BQL ngày ~~21~~ tháng ~~11~~ năm 2023 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Tại lô U8, U9, U10, U11:

- Nước thải nhà vệ sinh → Đường ống PVC DN50÷DN150 → Bể tự hoại → Đường ống PVC DN150÷DN200, độ dốc $i = 0,5\%$ → Hồ bơm trung chuyển → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Tuyến ống PVC D90 → Hồ ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Nước thải từ hoạt động tắm, rửa, vệ sinh theo ống gom PVC DN50÷DN100 → Đường ống PVC DN150÷DN200, độ dốc $i = 0,5\%$ → Hồ bơm trung chuyển → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Tuyến ống PVC D90 → Hồ ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Nước thải từ khu vực bếp, căn tin theo ống PVC DN100 → Bể tách mỡ → Đường ống PVC DN150÷DN200, độ dốc $i = 0,5\%$ → Hồ bơm trung chuyển → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Ống PVC D90 → Hồ ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh thường xuyên từ các bể rửa nước của khu xử lý bề mặt, khu xử lý sơn tĩnh điện (ED) được thu gom vào các mương hở bê tông, rộng 40cm → Hồ thu → Bơm dẫn về bể điều hòa (ngăn tách dầu, ngăn chứa) → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất $200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ → Đường ống PVC D114, hồ ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

+ Nước thải phát sinh không thường xuyên từ việc xả cặn, súc rửa các bể xử lý bề mặt, bể xử lý sơn tĩnh điện (ED), khu hạ xe, khu bảo dưỡng và khu phòng máy lạnh và chỉnh lưu, phòng máy tạo nước nóng, phòng xử lý dung môi → Định kỳ bơm về bể chứa theo mẻ (ngăn tách dầu, ngăn chứa) → Bơm bể điều hòa (ngăn tách dầu, ngăn chứa) → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm → Đường ống PVC D114, hố ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

+ Nước thải phát sinh ở các khu sơn dưới gầm, chà nhám ED, chà nhám sơn xịt, kiểm tra tổng thể,... được lưu chứa trong các mương ngầm dưới mỗi khu, định kỳ bơm hút trực tiếp đổ vào mương hở xung quanh tại khu xử lý bề mặt, xử lý sơn tĩnh điện ED → Hố thu → Bơm dẫn về bể điều hòa (ngăn tách dầu, ngăn chứa) → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm → Đường ống PVC D114, hố ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

+ Nước thải phát sinh từ việc xử lý bụi sơn ở khu phun sơn hệ thống buồng sơn theo đường cống ngầm dẫn về bể tuyển nổi (tách bùn cặn bằng Polymer và lọc sơ bộ) được bơm tuần hoàn sử dụng cho quy trình xử lý bụi sơn; Nước súc rửa bể định kỳ sẽ được bơm về bể chứa theo mẻ → Bể chứa theo mẻ (Ngăn tách dầu, ngăn chứa) → Bơm sang bể điều hòa (ngăn tách dầu, ngăn chứa) → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm → Đường ống PVC D114, hố ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

+ Nước thải phát sinh từ khu phòng tạo nước DI qua hố thu được dẫn về bể tái sinh → Bơm sang ngăn chứa bể điều hòa → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm → Đường ống PVC D114, hố ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

+ Nước thải từ khu rửa xe dịch vụ, bảo dưỡng thu gom bằng rãnh hở rộng 10cm bố trí xung quanh khu tập trung về hố gom → Bơm theo đường ống PVC DN50 → Bể điều hòa → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm → Đường ống PVC D114, hố ga → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

* Tại lô X5, X6, X7, X8:

+ Nước thải vệ sinh toilet → Đường ống PVC DN50÷DN150 → Bể tự hoại → Đường ống PVC DN200, độ dốc $i = 0,55\%$ → Hố ga chung → 01 điểm đầu nối đường số 12B và 01 điểm đầu nối đường số 10B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

+ Nước thải từ hoạt động tắm, rửa, vệ sinh → Đường ống PVC/HDPE DN50÷DN150 → Hố ga chung → 01 điểm đầu nối đường số 12B và 01 điểm đầu nối đường số 10B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ

* Bể tự hoại (02 ngăn và 3 ngăn):

- Vị trí:

+ Tại lô U8, U9, U10: Nhà văn phòng, nhà ăn, xưởng thân xe (02 bể), xưởng sơn, xưởng hoàn thiện, nhà bảo vệ công chính, nhà bảo vệ công phụ.

+ Tại lô X5, X6, X7, X8: Các nhà kho (03 bể), nhà bảo vệ số 1.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Hồ ga trung gian → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60m³/ngày đêm → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Công suất thiết kế:

+ Tại lô U8, U9, U10: 29,7m³ (02 bể); 65,1 m³; 9m³; 14,1m³; 3,9m³ (02 bể); 14,8m³.

+ Tại lô X5, X6, X7, X8: 7,7m³; 8,2m³; 6,4m³; 3,8m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

* Bể tách dầu mỡ

- Vị trí: 01 bể tại khu vực nhà ăn tại lô U

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn lọc → Ngăn tách mỡ → Ngăn lắng → Hồ ga trung gian → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60m³/ngày đêm → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Công suất thiết kế: 6,3m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

b) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 60m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hồ tập trung → Ngăn tách dầu → Bể điều hòa → Aeroten – Lắng → Hồ ga đầu nổi → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Công suất thiết kế: 60m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: 24/24h

c) Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Toàn bộ lượng nước thải tập trung vào bể điều hòa, bơm chia thành hai dòng song song qua 02 đơn nguyên xử lý theo quy trình như nhau: Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1. Nước sau khi qua 02 bể lắng của mỗi đơn nguyên sẽ đổ vào bể trung hòa → Aeroten, sau đó xử lý tiếp tục bằng 02 đơn nguyên hoạt động song song theo quy trình: Bể lắng 2 → Bể thu nước (chung) → Bồn lọc áp lực 1 → Bồn lọc áp lực 2 → Bể xả nước → Hồ xả chung → Đường số 12B, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng → Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Axit clohydric (HCl), dung dịch Axit sunfuhidrid (H₂SO₄), dung dịch Caustic soda (NaOH), URE, Polymer, PAC (Polyaluminium Chloride) (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm đảm bảo đạt chất lượng theo thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi sản xuất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 60m³/ ngày đêm:

+ Hệ thống được cấp điện dự phòng từ máy phát điện để dự phòng khi có sự cố mất điện xảy ra vẫn đảm bảo cho hệ thống hoạt động bình thường.

+ Lắp đặt các thiết bị, máy móc dự phòng cho các hệ thống xử lý. Các thiết bị chạy luân phiên nhau, trong trường hợp có sự cố về hỏng hóc thì vẫn có thể đảm bảo cho hệ thống vận hành và thay thế, sửa chữa thiết bị còn lại.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động các thiết bị để có biện pháp khắc phục và bảo dưỡng kịp thời.

+ Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm:

+ Hệ thống có 03 bể chứa (2 bể chứa theo mẻ, tổng dung tích 02 bể là 400m³, 01 bể tái sinh dung tích 50m³) để điều tiết các nguồn thải khác nhau và 1 bể điều hòa dung tích khá lớn (dung tích 250m³) nên đáp ứng khả năng dự phòng khi lượng nước thải tăng đột biến hoặc có sự cố về thiết bị.

+ Hệ thống được cấp điện dự phòng từ máy phát điện để dự phòng khi có sự cố mất điện xảy ra vẫn đảm bảo cho hệ thống hoạt động bình thường.

+ Lắp đặt các thiết bị, máy móc dự phòng cho các hệ thống xử lý, các thiết bị quan trọng đều có 02 máy hoạt động thay phiên để hạn chế hư hỏng. Các thiết bị chạy luân phiên nhau, trong trường hợp có sự cố về hỏng hóc thì vẫn có thể đảm bảo cho hệ thống vận hành và thay thế, sửa chữa thiết bị còn lại.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động các thiết bị để có biện pháp khắc phục và bảo dưỡng kịp thời.

+ Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hằng ngày để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

+ Thường xuyên kiểm tra khả năng lắng bùn của bể lắng để điều chỉnh lượng hóa chất cho phù hợp.

+ Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm, Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m³/ngày đêm.

Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 60m³/ngày đêm không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm và đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Đà Nẵng xác nhận việc đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án Nhà máy lắp ráp ô tô của Công ty TNHH TCIE Việt Nam theo Giấy xác nhận số 76/XNMT-BQL ngày 22 tháng 01 năm 2014.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Hồ ga nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải, trước khi đầu nối vào hồ ga chung để xả thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH TCIE Việt Nam phải giám sát các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau khi được xử lý, đảm bảo đạt yêu cầu các thông số ô nhiễm tối đa cho phép xả thải vào hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải ký kết giữa Công ty TNHH TCIE Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày đêm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty TNHH TCIE Việt Nam tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH TCIE Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty TNHH TCIE Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH TCIE Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2. Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2636/GPMT-BQL ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

* Nguồn thải có hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hệ thống buồng sơn xưởng sơn.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ buồng sơn tích hợp xưởng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa.

* Nguồn thải không có hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 03: Hơi, nhiệt từ buồng sấy sơn ED xưởng sơn
- Nguồn số 04: Hơi, nhiệt từ buồng sấy keo (Sealing) xưởng sơn
- Nguồn số 05: Hơi, nhiệt từ buồng sấy Sơn hoàn thiện (Topcoat) xưởng sơn
- Nguồn số 06: Khí thải từ buồng đốt 1 công đoạn sấy sơn hoàn thiện (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng sơn
- Nguồn số 07: Khí thải từ buồng đốt 2 công đoạn sấy sơn hoàn thiện (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng sơn
- Nguồn số 08: Khí thải từ buồng đốt 3 công đoạn sấy sơn hoàn thiện (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng sơn
- Nguồn số 09: Khí thải từ buồng đốt công đoạn sấy sơn (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng dịch vụ sửa chữa
- Nguồn số 10: Khí thải từ buồng đốt tại phòng bảo dưỡng làm sạch sàn lưới (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng lắp ráp
- Nguồn số 11: Khí thải từ buồng đốt máy tạo nước nóng 01 (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng sơn
- Nguồn số 12: Khí thải từ buồng đốt máy tạo nước nóng 02 (sử dụng nhiên liệu Gas) tại xưởng sơn
- Nguồn số 13: Bụi, khí thải từ máy phát điện 450KVA (Lô U)
- Nguồn số 14: Bụi, khí thải từ máy phát điện 2.000KVA (Lô U)
- Nguồn số 15: Bụi, khí thải từ máy phát điện 1.000KVA (Lô X)

Các nguồn khí khác (không phải là khí thải) kết hợp cấp khí tươi và hút xả thông thoáng tại khu vực xử lý bề mặt, sơn ED xưởng sơn; khu vực sơn dưới gầm (Undercoat) tại xưởng sơn; khu vực chà nhám sơn ED (ED Sanding) tại xưởng sơn; khu vực chà nhám sơn lót (Primer Sanding) tại xưởng sơn; khu vực sửa lỗi và kiểm tra (Touch up & inspection) tại xưởng sơn; khu vực sửa chữa ngoài line 1 (Offline repair 1) tại xưởng sơn; khu vực sửa chữa ngoài line 2 (Offline repair 2) tại xưởng

son; khu vực sửa chữa ngoài line 3 (Offline repair 3) tại xưởng sơn; khu vực sửa chữa ngoài line 4 (Offline repair 4) tại xưởng sơn; khu vực sửa chữa lỗi nặng (Heavy Repair) tại xưởng sơn; khu vực buồng tạm dừng (Flash off) xưởng sơn; khu vực làm mát sau sấy sơn ED xưởng sơn; khu vực làm mát sau sấy sơn hoàn thiện (Topcoat) xưởng sơn; khu vực chuẩn bị của hệ thống buồng phun sơn xưởng sơn; khu vực pha trộn sơn xưởng sơn; khu vực phòng phụ vào buồng sơn (Side room) xưởng sơn; khu vực phòng bảo dưỡng làm sạch sàn lưới (Grating cleaner) xưởng lắp ráp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 1 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778419; Y= 539999.

- Dòng khí thải số 02: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 2 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778417; Y= 539002.

- Dòng khí thải số 03: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 3 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778413; Y= 539003.

- Dòng khí thải số 04: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 4 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778412; Y= 539010.

- Dòng khí thải số 05: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 5 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778413; Y= 539011.

- Dòng khí thải số 06: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 6 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778414; Y= 539011.

- Dòng khí thải số 07: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 7 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778415; Y= 539010.

- Dòng khí thải số 08: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải Venturi scrubber 8 khu vực buồng sơn xưởng sơn (tương ứng với nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778416; Y= 539011.

- Dòng khí thải số 09: tương ứng với ống khói thải sau hệ thống tâm lọc sợi thủy tinh khu vực buồng sơn tích hợp xưởng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa (tương ứng với nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1778553; Y= 539975.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^o45', múi chiều 3^o)

Vị trí xả khí thải trong phạm vi của cơ sở Công ty TNHH TCIE Việt Nam, lô U8, U9, U10, U11 đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 63.600 m³/giờ
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 63.600 m³/giờ
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 63.600 m³/giờ
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 63.600 m³/giờ
- Dòng khí thải số 05: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 62.000 m³/giờ
- Dòng khí thải số 06: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m³/giờ
- Dòng khí thải số 07: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m³/giờ
- Dòng khí thải số 08: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m³/giờ
- Dòng khí thải số 09: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 31.000 m³/giờ

2.3. Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24/24 giờ

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ⁽¹⁾ (cột B với hệ số K_p, K_v); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ⁽²⁾, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
2	Áp suất	N/m ²	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400 ⁽²⁾	6 tháng/lần	
5	Toluen	mg/Nm ³	750 ⁽²⁾		
6	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	950 ⁽²⁾		
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	⁽¹⁾ C _{max} = C x K _p x K _v Với C: 200 mg/Nm ³ và các hệ số xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT		

Lưu ý: Hệ số K_v được xác định theo quy định tại mục 2.4 của QCVN 19:2009/BTNMT và các văn bản hướng dẫn có liên quan, theo đúng các quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01 khu vực buồng sơn xưởng sơn được thu gom bằng đường ống bằng vật liệu thép tráng kẽm (độ dày 1,0 - 1,2mm) với tiết diện chính 1.200x2.000mm → Hệ thống xử lý khí thải Venturi scruber → Xả ra ngoài môi trường qua các ống khói tương ứng dòng khí thải 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08.

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02 khu vực buồng sơn tích hợp của xưởng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa → Thu gom về hệ thống xử lý khí thải tích hợp, đồng bộ với buồng sơn → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói tương ứng dòng khí thải 09.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải Venturi scruber

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Hệ thống Venturi scruber (công nghệ lọc bụi kiểu ướt) → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: Tương ứng với lưu lượng xả khí thải lớn nhất quy định tại Phần A Phụ lục này

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH và Polyme tại bể chứa nước tuần hoàn trong quá trình hoạt động hệ thống xử lý khí thải.

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

* Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực buồng phun sơn xưởng dịch vụ sửa chữa

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Hệ thống lọc bằng sợi thủy tinh (công nghệ lọc bụi kiểu khô) → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 31.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH và Polyme tại bể chứa nước tuần hoàn trong quá trình hoạt động hệ thống xử lý khí thải.

- Chế độ vận hành: Gián đoạn, chỉ hoạt động khi có hoạt động dịch vụ sơn bảo dưỡng hoặc sửa chữa tại khu vực này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng. Đồng thời phát hiện các sự cố như quạt hút, hệ thống bơm không hoạt động, kiểm tra lượng cặn trong bể nước hệ thống xử lý để tiến hành vệ sinh, nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hàng ngày để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

- Khi có sự cố xảy ra, huy động đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên trách tại nhà máy để khắc phục, xử lý nhanh sự cố. Trường hợp cần thiết sẽ thông báo cho đơn vị bảo trì đến xử lý sự cố.

- Tạm dừng hoạt động của dây chuyền, thiết bị sản xuất liên quan đến hệ thống xử lý bị sự cố. Hoàn thành khắc phục sự cố trước khi cho dây chuyền sản xuất hoạt động trở lại.

- Trong thời gian bảo trì, bảo dưỡng thì các hệ thống, dây chuyền sản xuất có công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải đều tạm dừng hoạt động theo quy trình bảo trì, bảo dưỡng của nhà máy đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm, Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải Venturi scrubber 1 khu vực buồng sơn xưởng sơn.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải Venturi scrubber 2 khu vực buồng sơn xưởng sơn.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải Venturi scrubber 3 khu vực buồng sơn xưởng sơn.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải Venturi scrubber 4 khu vực buồng sơn xưởng sơn.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải tấm lọc sợi thủy tinh khu vực buồng sơn tích hợp xưởng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa.

Các hệ thống xử lý bụi, khí thải Venturi scrubber 5, 6, 7, 8 tại khu vực buồng sơn xưởng sơn không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm và đã được Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng xác nhận việc đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Giấy xác nhận số 76/XNMT-BQL ngày 22 tháng 01 năm 2014.

a) Vị trí lấy mẫu: Tại các ống khói sau xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH TCIE Việt Nam phải giám sát các thông số ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, thiết bị xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống, thiết bị, công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Công ty TNHH TCIE Việt Nam tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường. Công ty TNHH TCIE Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục b 2.2 Phần B của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH TCIE Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì Công ty TNHH TCIE Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất sử dụng để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Các nguồn thải khí thoát ra từ buồng sấy sơn ED xưởng sơn, sấy keo (Sealing) xưởng sơn, sấy sơn hoàn thiện (Topcoat) xưởng sơn, các buồng đốt công đoạn sấy sơn và máy tạo nước nóng (sử dụng nhiên liệu Gas), các máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường và nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.5. Đảm bảo việc kết hợp cấp khí tươi và hút xả tại các khu vực xưởng sơn (xử lý bề mặt, sơn ED; sơn dưới gầm (Undercoat); chà nhám sơn ED (ED Sanding); chà nhám sơn lót (Primer Sanding); sửa lỗi và kiểm tra (Touch up & inspection); sửa chữa ngoài line 1 (Offline repair 1); sửa chữa ngoài line 2 (Offline repair 2); sửa chữa ngoài line 3 (Offline repair 3); sửa chữa ngoài line 4 (Offline repair 4); sửa chữa lỗi nặng (Heavy Repair); buồng tạm dừng (Flash off); khu vực làm mát sau sấy sơn ED xưởng sơn; khu vực làm mát sau sấy Sơn hoàn thiện (Topcoat); khu vực chuẩn bị của hệ thống buồng phun sơn; khu vực pha trộn sơn; phòng phụ vào buồng sơn (Side room)) và khu vực phòng bảo dưỡng làm sạch sàn lưới (Grating cleaner) xưởng lắp ráp nhằm mục đích thông thoáng, điều hòa không khí tại các khu vực làm việc.

Phụ lục III

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 263/GPMT-BQL ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

* Tại lô U8, U9, U10, U11:

- Nguồn số 01: Khu vực đại diện số 1 xưởng khung xe (tại vị trí trung tâm công đoạn hàn).
 - Nguồn số 02: Khu vực đại diện số 2 xưởng khung xe (tại vị trí trung tâm công đoạn mài).
 - Nguồn số 03: Khu vực đại diện số 1 xưởng sơn (tại vị trí buồng mát sấy sơn ED).
 - Nguồn số 04: Khu vực đại diện số 2 xưởng sơn (tại vị trí quạt hút buồng phun sơn).
 - Nguồn số 05: Khu vực đại diện số 1 xưởng lắp ráp hoàn thiện số (tại vị trí lắp động cơ).
 - Nguồn số 06: Khu vực đại diện số 2 xưởng lắp ráp hoàn thiện (tại vị trí lắp cầu).
 - Nguồn số 07: Khu vực đại diện số 1 xưởng dịch vụ, bảo dưỡng (tại vị trí buồng sơn).
 - Nguồn số 08: Khu vực đại diện số 2 xưởng dịch vụ, bảo dưỡng (tại vị trí bảo dưỡng động cơ).
 - Nguồn số 09: Khu vực đặt máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
 - Nguồn số 10: Khu vực đặt máy ép bùn hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
 - Nguồn số 11: Khu vực đặt máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
 - Nguồn số 12: Khu vực phòng máy nén khí sản xuất.
 - Nguồn số 13: Khu vực phòng máy phát điện 450KVA.
 - Nguồn số 14: Khu vực phòng máy phát điện 2.000KVA.
- * Tại lô X5, X6, X7, X8:
- Nguồn số 15: Khu vực phòng máy phát điện 1.000KVA.
 - Nguồn số 16: Khu vực phòng máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 có tọa độ: X= 1778438; Y= 539133

- Nguồn số 02 có tọa độ: X= 1778441; Y= 539012
- Nguồn số 03 có tọa độ: X= 1778516; Y= 538979
- Nguồn số 04 có tọa độ: X= 1778449; Y= 538946
- Nguồn số 05 có tọa độ: X= 1778546; Y= 538976
- Nguồn số 06 có tọa độ: X= 1778557; Y= 539977
- Nguồn số 07 có tọa độ: X= 1778554; Y= 538937
- Nguồn số 08 có tọa độ: X= 1778565; Y= 538565
- Nguồn số 09 có tọa độ: X= 1778489; Y= 538940
- Nguồn số 10 có tọa độ: X= 1778519; Y= 538939
- Nguồn số 11 có tọa độ: X= 1778497; Y= 538924
- Nguồn số 12 có tọa độ: X= 1777734; Y= 539064
- Nguồn số 13 có tọa độ: X= 1778534; Y= 539163
- Nguồn số 14 có tọa độ: X= 1778444; Y= 538975
- Nguồn số 15 có tọa độ: X= 1778425; Y= 538715
- Nguồn số 16 có tọa độ: X= 1778493; Y= 538651

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



Phụ lục IV

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2676/GPMT-BQL ngày 21 tháng 11 năm 2023 của
Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên (không bao gồm chất thải phát sinh từ hoạt động của nhà xưởng xây sẵn cho thuê)

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải của quá trình phosphat hóa	07 01 04	Bùn	540
2	Bùn thải và bã lọc có thành phần nguy hại	07 01 05	Bùn	174.600
3	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	Rắn	660
4	Găng tay nhiễm xi hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	Rắn	4.554
5	Vật liệu mài đã qua sử dụng có chứa thành phần nguy hại	07 03 10	Rắn	1.350
6	Cặn sơn thải	08 01 01	Rắn/lỏng	11.880
7	Bùn thải lẫn sơn	08 01 02	Bùn	264.222
8	Hộp mực và mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn/lỏng	135
9	Chất kết dính và bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại	08 03 01	Lỏng	4.860
10	Dung môi tẩy sơn hoặc vecni thải	08 01 05	Lỏng	59.400
11	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	90
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	13.230
13	Vật liệu lọc, giẻ lau	18 02 01	Rắn	55.152
14	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 04	Rắn	5.670
15	Pin, ắc quy hỏng	19 06 01	Rắn	54
16	Thiết bị thải có bộ phận, linh kiện điện tử	19 02 05	Rắn	1.836
17	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ (giấy bạc, nilong phủ và băng keo dính các thành phần	19 12 01	Rắn/bùn/lỏng	4.050

	nguy hại, chổi lông quét Primer có thành phần nguy hại, cọ quét sơn, con lăn sơn, bút đánh dấu, ống dây sơn, ống dây sealing, ống dây bom hóa chất, bao tay hóa chất, bao tay cao su, khóa niêm phong container, các chi tiết thay ra từ súng sơn và súng phun sealing PVC, vật liệu kim loại thải có nhiễm dầu, mỡ,...)			
18	Dầu, mỡ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	11.880
19	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	9.450
	Tổng			623.613

Đối với chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát thực hiện phân định, phân loại theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm: các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được phép tái sử dụng, sử dụng trực tiếp, có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được quản lý như đối với sản phẩm, hàng hóa; chất thải phát sinh từ hoạt động của các nhà xưởng xây sẵn cho thuê)

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế liệu sắt	12 08 04 12 08 05	292.548
2	Phế liệu gỗ	18 01 07	8.616
3	Phế liệu giấy	18 01 05	768.012
4	Ni lông	18 01 11	11.676
5	Xốp các loại	18 01 06	51.372
6	Các loại chất thải khác	-	14.040
	Tổng		1.146.264

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (không bao gồm chất thải phát sinh từ hoạt động của các nhà xưởng xây sẵn cho thuê): 2.340 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có dung tích phù hợp loại chất thải, đối với chất thải (dung môi tẩy sơn) lưu chứa bằng thùng phi có nắp đậy kín, được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Kho lưu chứa

* Tại lô U8, U9, U10, U11

- Diện tích kho lưu chứa: 100m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông dày 200mm, không thấm thấu, có rãnh thu gom chất lỏng kích thước rộng x cao = 10 cm x 20 cm, tường bằng gạch dày 10 cm và cao 4m, có mái che bằng tôn, bên ngoài kho có dán nhãn và cảnh báo nguy hiểm.

* Tại lô X5, X5, X7, X8

- Diện tích kho lưu chứa: Diện tích 14,5m² được chia ngăn của kho chứa có diện tích 29,0m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông dày 200mm, không thấm thấu, có rãnh thu gom chất lỏng kích thước rộng x cao = 10 cm x 20 cm, tường bằng gạch dày 20 cm và cao 4m, có mái che bằng tôn, bên ngoài kho có dán nhãn và cảnh báo nguy hiểm.

Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa 240 lít

b) Kho lưu chứa trong nhà/ Khu vực lưu giữ ngoài trời

* Tại lô U8, U9, U10, U11

- Bãi tập kết ngoài trời: 400m² được phân chia từng khu vực cho từng loại riêng biệt (chất thải rắn có thể tái chế).

Đối với chất thải rắn công nghiệp không tái chế, không bán phế liệu được thu gom bằng thùng chứa màu vàng đặt tại các nhà xưởng, hàng ngày được thu gom chuyên qua thùng chứa tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt sinh hoạt.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ ngoài trời: Bãi tập kết tạm trong thời gian ngắn, được che phủ bằng bạt và tấm che. Trường hợp mưa kéo dài, lâu ngày, bố trí thu gom tại đường đi có mái che nối liền nhà kho và xưởng thân xe.

* Tại lô X5, X5, X7, X8

- Kho lưu chứa: Diện tích 14,5m² được chia ngăn của kho chứa có diện tích 29,0m², được lưu giữ cùng ngăn với chất thải rắn sinh hoạt.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông dày 200mm, không thấm thấu, tường bằng gạch dày 20 cm và cao 4m, có mái che bằng bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a) Thiết bị lưu chứa:

- Tại lô U8, U9, U10, U11: Bố trí các thùng chứa bằng vật liệu nhựa, có nắp đậy loại 20 lít và 240 lít tại khu vực phát sinh, tập kết chất thải.

- Tại lô X5, X6, X7, X8: Bố trí các thùng chứa bằng vật liệu nhựa, có nắp đậy loại 20 lít, 120 lít tại khu vực phát sinh và kho chứa.

b) Kho lưu chứa trong nhà/ Khu vực lưu giữ chất thải

- Tại lô U8, U9, U10, U11: Điểm tập kết bố trí tại khu vực gần trạm biến áp gần công ra vào.

- Tại lô X5, X6, X7, X8: Diện tích 14,5m² được chia ngăn của kho chứa có diện tích 29,0m², được lưu giữ cùng ngăn với chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục V
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~2637~~/GPMТ-BQL ngày ~~21~~ tháng ~~11~~ năm 2023 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Theo Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng” địa điểm: lô U8-U11, đường số 5, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu và lô X5-X8, Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng Công ty TNHH TCIE Việt Nam tại Đà Nẵng”, Công ty TNHH TCIE Việt Nam tiếp tục triển khai thực hiện:

- Đầu tư xây dựng hạng mục công trình xưởng đồ nhựa với diện tích 3.200m² và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (nếu có).

- Đầu tư xây dựng nhà xưởng xây sẵn với diện tích 40.000m² (gồm các hạng mục khu phụ trợ, trạm xử lý nước thải sản xuất, trạm xử lý nước thải sinh hoạt, nhà chứa rác thải, xưởng sản xuất) cho các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp hỗ trợ ô tô và các nhà sản xuất ô tô thuê lại, với công nghệ hàn thân xe, lắp ráp linh kiện nội thất, thiết bị và phụ tùng hoàn thiện (không bao gồm các công đoạn mạ, phun phủ, xử lý bề mặt, đánh bóng).

- Xây dựng hạng mục công trình phụ trợ tại lô X5-X8 (nhà xe).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu, trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH TCIE Việt Nam hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.



trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; Phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh tại Phụ lục 4 (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường) hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Liên Chiểu, UBND huyện Hòa Vang, Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng các khu công nghiệp Đà Nẵng trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

